

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v tranh chấp:

“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2018/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trần Đức P, sinh năm 1970 (có mặt)

HKTT: TDP T, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 (vắng mặt)

HKTT: TDP T, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Đại diện: ông Dương Quang V, chức vụ: phó Giám đốc (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Đức P trình bày: anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 1994, có ĐKKH kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống của chị M đi đâu, làm gì không bao giờ thông báo cho anh biết, có khi đi vài ngày, con cái đều do anh chăm sóc. Chị M đi làm nhưng cũng không đưa tiền cho anh nuôi con. Vợ chồng đã thực sự ly thân thời gian dài, không ai quan

tâm đến ai.

Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, yêu cầu được ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Trần Hải V, sinh ngày 9/12/1994; Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2007; Trần Việt T, sinh ngày 20/5/2009. Con thứ nhất đã trưởng thành, con chung thứ 2, thứ 3 con nhỏ, anh đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: nợ Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên số tiền 50.000.000đ, anh nhận có trách nhiệm trả nợ.

Các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: chị và anh Trần Đức P chung sống từ năm 1993, năm 1994 ĐKKH tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Năm 2000 vợ chồng chuyển lên thị trấn B, huyện Phổ Yên (nay là phường B, thị xã Phổ Yên) làm ăn, sinh sống cho đến nay. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu chung sống, mâu thuẫn phát sinh ngay sau khi vợ chồng ra ở riêng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu xuất phát từ những sinh hoạt nhỏ nhất trong đời sống vợ chồng và dần trầm trọng hơn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Anh P làm đơn ly hôn chị M đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Trần Hải V, sinh ngày 9/12/1994; Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2007; Trần Việt T, sinh ngày 20/5/2009. Con lớn đã trưởng thành, con chung thứ 2, thứ 3 con nhỏ, chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Các con chung muốn ở với ai chị cũng đồng ý.

Tài sản chung: đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung

Công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 243/NHCS-KHNV ngày 28/11/2018, tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên trình bày: Ngày 29/9/2016 Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên cho gia đình anh Trần Đức P, chị Nguyễn Thị M vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) từ chương trình cho vay hộ nghèo, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay 6,6%/năm, mục đích vay trồng chè, hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/9/2012.

Tính đến ngày 23/11/ 2018 anh chị còn nợ Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên tổng số tiền 50.081.370đ, trong đó nợ gốc 50.000.000đ, nợ lãi 81.370đ.

Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên đề nghị: nếu anh chị chưa trả được số nợ trên thì chuyển toàn bộ số nợ cho một người (anh P hoặc chị M) chịu trách nhiệm

trả nợ Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận khi vay.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về Luật áp dụng: Áp dụng điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 266 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

Đề nghị:

- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh P ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao 02 con chung Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2007; Trần Việt T, sinh ngày 20/5/2009 cho anh P nuôi dưỡng, anh Phương không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị M.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Khoản nợ chung: anh P nhận trả khoản nợ đối với Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên.

- Khoản cho vay chung: không có.

- Về án phí: anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tổ tụng*: anh Trần Đức P và chị Nguyễn Thị M đều có hộ khẩu tại tổ dân phố T, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh chị là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: chị Nguyễn Thị M mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, áp dụng điều 227 BLTTDS, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M là có căn cứ.

[2]. *Về nội dung*: anh Trần Đức P và chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.1]. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh P một thời gian ngắn thì ra ở riêng tại quê xóm D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Năm 2000 anh chị lên thị trấn B, huyện Phổ Yên (nay là phường B, thị xã Phổ Yên) làm ăn, sinh sống cho đến nay.

Quá trình giải quyết ly hôn anh chị thừa nhận vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh P cho rằng chị M thường xuyên bỏ nhà đi vài ngày mà không thông báo cho anh biết đi đâu, việc chăm lo cho gia đình và các con do anh lo liệu. Chị M cho rằng mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ nhất, nhưng ngày càng trầm trọng. Anh chị cùng xác định ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị M vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa, thể hiện việc không tuân thủ pháp luật, không coi trọng hôn nhân vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, cần thiết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung là Trần Hải V, sinh ngày 9/12/1994; Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2007; Trần Việt T, sinh ngày 20/5/2009. Con lớn đã trưởng thành, con chung thứ 2, thứ 3 có nguyện vọng được ở với bố, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên. Xét nguyện vọng của con chung thấy cần thiết giao cả 2 con chung chưa thành niên cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M.

[2.4]. *Về tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[2.5]. *Nợ chung*: anh chị cùng xác nhận nợ Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên 50.000.000đ (tiền gốc), anh P tự nguyện có trách nhiệm trả Ngân hàng số tiền nợ, phù hợp yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy giao số nợ của Ngân hàng cho anh P có trách nhiệm trả.

[3]. *Về án phí*: anh P phải chịu án phí ly hôn, án phí hợp đồng vay tài sản theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Trần Đức P đối với chị Nguyễn Thị M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Trần Đức P được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2007; Trần Việt T, sinh ngày 20/5/2009 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị M cho đến khi anh P có yêu cầu.

Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: anh P thỏa thuận có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng CSXH thị xã Phổ Yên 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. *Về án phí*: anh Trần Đức P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008671 ngày 31/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Phương không phải nộp án phí về hợp đồng vay tài sản do khoản nợ chưa đến kỳ thanh toán.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh P, vắng mặt chị M tại phiên tòa. Báo cho biết anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND p. B
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng